TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM XUYÊN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2025/QĐST - HNGĐ	*Cẩm Xuyên, ngày 07 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 56/2025/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa:

* ***Nguyên đơn***: Anh Trần Đình H; sinh năm 1994. Nơi cư trú: thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

* ***Bị đơn***: Chị Nguyễn Thị H1; sinh năm 1996. Nơi cư trú: thôn Y, xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào khoản 3, 4 điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, 83, 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a, Khoản 1 Điều 24, khoản 7, Điều 26; Điểm a Khoản 5, Điểm b, Khoản 6 Điều 27 nghị quyết 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị H1 thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị H1 thống nhất có một con chung là Trần Tuệ N, sinh ngày 05/10/2022.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị H1 về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn như sau:

Giao con chung Trần Tuệ N, sinh ngày 05/10/2022 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ tuổi thành niên (tròn 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Trần Đình H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Trần Tuệ N mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ tuổi thành niên (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con là anh Trần Đình H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hướng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3 *Về tài sản, nợ chung*: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị H1 không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai không ai nợ vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4 *Về án phí*: Anh Trần Đình H tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà anh Trần Đình H đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số 0004832 ngày 21/4/2025. Tiền án phí anh H nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Xuyên;
- UBND xã Yên Hoà *(Nơi đăng ký kết hôn);*
- Các đương sự;
- Lưu HSVA..

THẨM PHÁN

Trần Thanh Hương